

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/KDTM-

PT

Ngày: 23-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vượng.

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Tấn Tạng;

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương
Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2024/TLPT-KDTM ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2024/KDTM-ST ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 504/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần X (viết tắt là Công ty X).

Địa chỉ: Quốc lộ C, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Mai A - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Mai A: Bà Nguyễn Thị Thúy A1 - Chức vụ: Kế toán.

Địa chỉ: Số E, Tổ B, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần T (viết tắt là Công ty T).

Địa chỉ: Số A ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chính S - Chức vụ: Giám đốc.

3. Người kháng cáo: Công ty cổ phần X (Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Mai A - Chức vụ: Giám đốc) - Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 10/10/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy A1 trình bày:

Công ty X có cung cấp và bơm bê tông tươi cho Công ty T thi công công trình Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã Đ, Huyện L, Tỉnh Đồng Tháp. Công ty X có gửi hợp đồng kinh tế cho Công ty T số: 78/2021/HĐKT-MK-ĐP ngày 30/10/2021.

Công ty T gọi điện thoại đặt hàng, cho biết thời gian giao nhận tới công trường, Công ty X giao hàng tại địa điểm thời gian theo yêu cầu, hai bên xác nhận hàng hóa và tiến hành xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Công ty Đ 100% giá trị cho Công ty X trong vòng 07 ngày khi nhận được hàng hóa.

Ngày 13/01/2022, Công ty X đã cung cấp và bơm bê tông Mác 200 – r28, khối lượng 37m³ và ngày 15/01/2022 Công ty X đã xuất hóa đơn số 1716 KH:MK/20E gửi Công ty T, công nợ yêu cầu thanh toán số tiền còn lại là: 49.950.000 đồng nhưng đến nay Công ty T không ký công nợ, cũng không thanh toán cho Công ty X.

Hồ sơ Công ty X được Công ty T cho địa chỉ phát nhanh số: 397b/14 KDC B, đường V, Phường L, Quận B, TP Cần Thơ.

Công ty X đã nhiều lần liên hệ, nhắc nhở, ký gửi biên bản đề nghị thanh toán lần 2 ngày 07/03/2023 số tiền còn phải thanh toán là 49.950.000 đồng, nhưng **Công ty T** vẫn chưa thanh toán.

Nay, **Công ty X** yêu cầu **Công ty T** có nghĩa vụ trả số tiền vốn 49.950.000 đồng, tiền lãi từ ngày 23/01/2022 đến ngày 29/03/2024 (26 tháng 06 ngày) $\times 0,83\%/tháng = 10.862.127$ đồng, tổng cộng 60.812.127 đồng.

- **Công ty T** đã được triệu tập hợp lệ tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và tại các phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

Tại Bản án sơ thẩm số 05/2024/KDTM-ST ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Công ty cổ phần X** về việc yêu cầu **Công ty cổ phần T** trả số tiền vốn gốc 49.950.000 đồng, tiền lãi từ ngày 23/01/2022 đến ngày 29/03/2024 (26 tháng 06 ngày) $\times 0,83\%/tháng = 10.862.127$ đồng, tổng cộng 60.812.127 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, **Công ty cổ phần X** (Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Mai A** - Chức vụ: Giám đốc) kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ hồ sơ vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán, giữa **Công ty Cổ phần X** và bị đơn là **Công ty Cổ phần T**.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bà **Nguyễn Thị Thúy A1** trình bày: **Công ty Cổ phần X** giữ nguyên việc kháng cáo, yêu cầu **Công ty T** trả số tiền 60.812.127đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần X; giữ nguyên quyết định của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Công ty Cổ phần X (Công ty X) khởi kiện Công ty Cổ phần T (Công ty T), về việc tranh chấp hợp đồng mua bán, Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Công ty X kháng cáo trong thời hạn là hợp lệ. Bà Nguyễn Mai A giám đốc Công ty X ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thúy A1, thủ tục ủy quyền tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm phù hợp nên chấp nhận. Đại diện Công ty T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên xét xử theo quy định.

[2] Công ty X trình bày vào ngày 30/10/2021 thì Công ty X có ký hợp đồng với Công ty T, về việc mua bán bê tông thương phẩm. Theo hợp đồng số 78/2021/HĐKT-MK-ĐP ngày 30/10/2021 xác định phục vụ thi công công trình Ủy ban nhân dân xã Đ, hợp đồng không thỏa thuận khối lượng bê tông mua bán. Nay Công ty X yêu cầu Công ty T phải trả số tiền nợ chưa thanh toán 49.950.000đ và tiền lãi chậm trả từ ngày 23/01/2022 đến ngày 29/3/2024 là 26 tháng 06 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền 10.862.127đ, tổng cộng số tiền 60.812.127đ.

Công ty X căn cứ vào 05 phiếu xuất xưởng cùng ngày 13/01/2022 (BL 12, 13, 14, 15, 16) thể hiện giao hàng cho Công ty T khối lượng bê tông 37m³ (09m³ + 09m³ + 09m³ + 08m³ + 02m³) và bảng xác nhận khối lượng ngày 13/01/2022 (BL 18) thể hiện khối lượng bê tông cung cấp 37m³ để xác định số tiền nợ mà Công ty T phải có nghĩa vụ thanh toán tiền mua bê tông thi công công trình Ủy ban nhân dân xã Đ, nhưng các tài liệu này thể hiện tên công trình không phù hợp với công trình được ký kết hợp đồng kinh tế số 78/2021/HĐKT-MK-ĐP ngày 30/10/2021. Đồng thời Công ty X cung cấp Bảng tổng hợp giá trị bê tông ngày 13/01/2022, công trình Ủy ban nhân dân xã Đ, thể hiện bên A là bà Nguyễn Mai A giám đốc công ty X, bên B là ông Nguyễn Chính S1 giám đốc Công ty T thống nhất xác nhận khối lượng và giá

trị thanh toán 37m³ số tiền 49.950.000đ, nhưng chỉ có đại diện bên A là bà Nguyễn Mai A ký tên đóng dấu công ty, tại mục đại diện bên B thì không có chữ ký của ông S hoặc người đại diện Công ty T ký tên đóng dấu (BL 11), nên chưa đủ cơ sở chứng minh Công ty T xác nhận nợ. Đối với hóa đơn giá trị gia tăng ngày 15/01/2022 do Công ty X cung cấp, nhưng là bản phô tô không có chữ ký xác nhận của đại diện Công ty T (BL 09).

Xét đối với bản ghi lại đoạn ghi âm do Công ty X cung cấp: Bà A1 cho rằng quá trình thực hiện hợp đồng Công ty có trao đổi với ông Nguyễn Chính S giám đốc Công ty T để yêu cầu thanh toán tiền còn nợ và có ghi âm giọng nói của ông S, sau đó lập thành bản ghi lại lại những thông tin cuộc trao đổi điện thoại để chứng minh ông S còn nợ tiền mua bê tông. Qua xem xét nội dung thông tin được ghi âm thì không có nội dung nào thể hiện ông S thừa nhận Công ty T còn nợ Công ty X số tiền 49.950.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A1 xác nhận khi thực hiện công trình tại xã Đ thì Công ty X bán bê tông thành phẩm nhiều đợt cho Công ty T và đã thanh toán nhiều lần. Thực tế thì không có tài liệu chứng cứ hợp pháp, phù hợp quy định của pháp luật để chứng minh Công ty T xác nhận số tiền còn nợ 49.950.000đ. Nay bà A1 cũng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh Công ty T còn nợ số tiền nói trên chưa trả cho Công ty X, nên kháng cáo của Công ty X là không có cơ sở.

[3] Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh phát biểu ý kiến: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Công ty X, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty X, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Các phần khác không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[4] Án phí phúc thẩm: Công ty X phải chịu án phí số tiền 2.000.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 40, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 50, 306 của Luật thương mại năm 5

2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần X

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần X, về việc yêu cầu Công ty Cổ phần T trả số tiền vốn gốc 49.950.000 đồng, tiền lãi từ ngày 23/01/2022 đến ngày 29/03/2024 (26 tháng 06 ngày) x 0,83%/tháng = 10.862.127 đồng, tổng cộng 60.812.127 đồng.

3. Về án phí:

Công ty Cổ phần X phải chịu 3.040.400 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0004730 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Công ty Cổ phần X còn phải nộp tiếp số tiền 1.580.600 đồng.

Công ty Cổ phần X phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm số tiền 2.000.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000đ theo biên lai thu số 0008505 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐT;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vượng